

a/ Thông tin về đất đai

Thửa đất số: 151 Phường A, Quận (Theo Tài liệu...)

Tờ bản đồ số: 151 Phường A, Quận (Theo Tài liệu...)

Diện tích theo hiện trạng: 64.00 m²

Số thửa thửa: 64.00 m²

Số thửa thửa: 0.00 m²

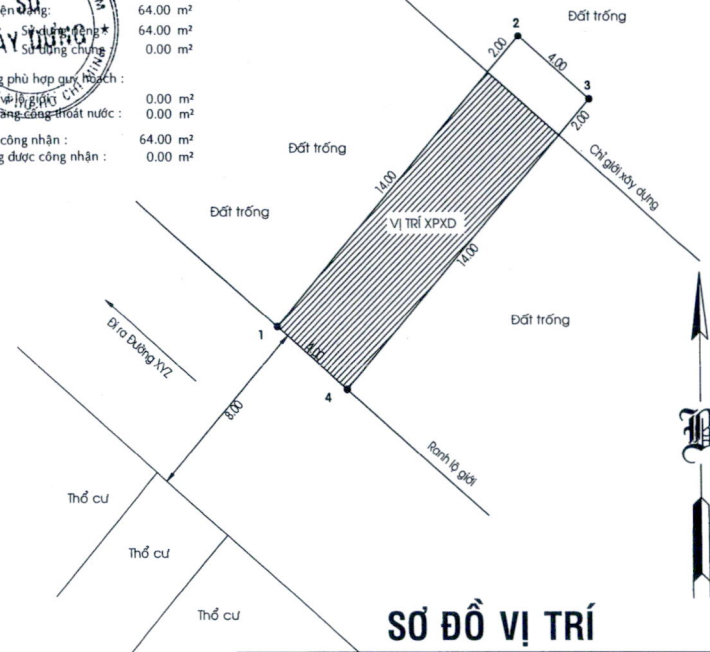
*Diện tích không phù hợp quy hoạch:

+ Thuộc phần vượt quy hoạch: 0.00 m²

+ Thuộc hàng lang công thoát nước: 0.00 m²

*Diện tích được công nhận: 64.00 m²

*Diện tích không được công nhận: 0.00 m²



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
(Theo hệ tọa độ VN 2000)

Thẻ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
số AB 123456 cấp ngày ... tháng ... năm ... cấp

Điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh
1	1197210....	603704....	16.00
2	1197191....	603709....	4.00
3	1197190....	603705....	16.00
4	1197209....	603700....	4.00
1	1197190....	603705....	4.00



b/ Quy mô xây dựng: Nhà ở riêng lẻ

Địa chỉ:

Số tầng: 03 tầng

Cấp (hạng) nhà ở: 3

Kết cấu nhà: Tường: gạch ; Cột: BTCT
Sàn: BTCT ; Mái: BTCT

Chiều cao công trình: 15.60m

Tổng diện tích sàn xây dựng:

+ Tầng 1(DTXD): 56.00 m²

+ Tầng lửng: 36.00 m² (65% DTXD tầng 1)

+ Tầng 2: 56.00 m²

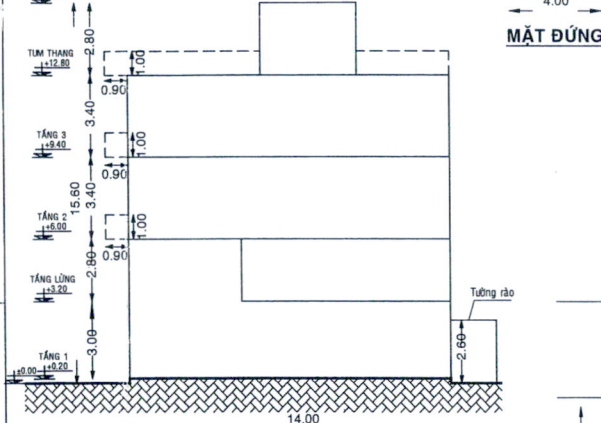
+ Ban công tầng 2: 3.60

+ Tầng 3: 56.00 m²

+ Ban công tầng 3: 3.60 m²

+ Tum thang: 16.80 m² (30% DTXD tầng 2)

228.00 m²



(TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG)

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số:/.....

ngày tháng năm 20.....

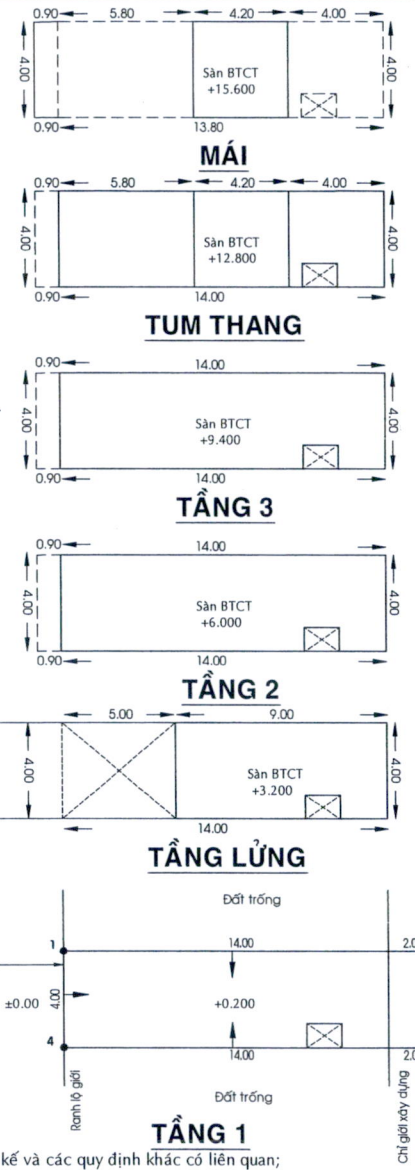
Ký tên:

Ghi chú:

— Ranh giới khu đất được cấp Giấy chứng nhận.

— Ranh kiến trúc

— Ranh ban công



- Nét, lức nét, ký hiệu thể hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ hành chính;

- Về sơ đồ vị trí: Tham khảo bản đồ Hiện trạng vị trí; bản vẽ sơ đồ nhà, đất của khu đất đính kèm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Trích lục bản đồ địa chính.

- Bản vẽ này không thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Chiều cao các tầng áp dụng TCVN 9411:2012 Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định khác có liên quan;

- Trước khi khởi công xây dựng, Chủ đầu tư, tổ chức triển khai thiết kế xây dựng nhà ở phù hợp với bản vẽ sơ đồ đã được cấp Giấy phép xây dựng và thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ;

- Việc bố trí móng, hầm tự hoại: Phải nằm trong ranh khuôn viên đất được công nhận và phù hợp quy hoạch; đồng thời, việc thiết kế hầm tự hoại phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10334:2014;

- Việc bố trí bậc thềm, bậc tam cấp, vệt đất xe, cửa sổ, cửa đi ... thực hiện theo đúng Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam;

- Đối với nhà ở tiếp giáp với đường có yêu cầu về quản lý kiến trúc thì thực hiện theo Quy chế quản lý kiến trúc mặt ngoài đã được phê duyệt.

- Trường hợp bố trí tầng lửng tại trệt phải đảm bảo diện tích tầng lửng không vượt quá 65% diện tích sàn xây dựng của tầng trệt.

- Trường hợp bố trí mái che thang phải đảm bảo diện tích mái che thang không vượt quá 30% diện tích sàn sản thượng.